

Số: /BC-ĐHH

Huế, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Công khai năm học 2025 – 2026 Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế báo cáo công khai trong hoạt động năm 2026, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục:

- Tên tiếng Việt: Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế
- Tên tiếng Anh: Faculty of Physical Education

2. Địa chỉ:

- Trụ sở: 52 Hồ Đắc Di, Phường An Cựu, Thành phố Huế.
- Điện thoại: 0543.816058
- Email: khoagiaoducthechat@hueuni.vn
- Website: <https://fpe.hueuni.edu.vn>

3. Loại hình: Công lập, thuộc Đại học Huế.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược

Khoa Giáo dục thể chất là đơn vị thuộc Đại học Huế chịu sự lãnh đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện của Đại học Huế, hoạt động giáo dục theo mục tiêu, chương trình giáo dục đại học, quản lý sinh viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Huế.

4.1. Sứ mạng:

Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực thể dục thể thao chất lượng cao, có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của đất nước.

4.2. Tầm nhìn và những năm tiếp theo:

Khoa Giáo dục Thể chất là một cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ và bồi dưỡng giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục có uy tín trong nước và trong khu vực, có đội ngũ cán bộ giảng dạy đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, có cơ sở vật chất và trang thiết bị đầy đủ, hiện đại. Sản phẩm đào tạo và bồi dưỡng đủ năng lực để đảm đương công tác giảng dạy, giáo dục và nghiên cứu đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển giáo dục và kinh tế - xã hội của miền Trung, Tây nguyên và cả nước.

4.3. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu phát triển tổng quát của Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế đến năm 2020 và những năm tiếp theo là: Xây dựng Khoa Giáo dục thể chất trở thành cơ sở đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ có chất lượng cao đáp ứng nguồn nhân lực trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giáo dục ở miền Trung, Tây nguyên và cả nước.

4.4. Mục tiêu cụ thể

Từ mục tiêu tổng quát trên, Khoa Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế xác định các mục tiêu phần đầu cụ thể như sau:

- Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý và phát triển đội ngũ của Khoa Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế;
- Nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp của chương trình với nhu cầu phát triển của vùng và khu vực;
- Nâng cao hiệu quả và tính gắn kết giữa nghiên cứu khoa học với đào tạo và nhu cầu thực tiễn của vùng và khu vực;
- Tìm mối giao lưu, hợp tác với các tổ chức, các trường đại học cùng chuyên ngành trong nước và khu vực.
- Tìm các nguồn kinh phí để xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng được các nhiệm vụ trọng tâm.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế tiền thân là Trung tâm Giáo dục thể chất trực thuộc Đại học Huế, được hình thành trên cơ sở hợp nhất các bộ môn thể dục của các trường đại học thành viên trong Đại học Huế.

Ngày 18 tháng 3 năm 2005 Giám đốc Đại học Huế đã ký Quyết định số: 232/QĐ-ĐHH-TCNS về việc thành lập Khoa Giáo dục thể chất trực thuộc Đại học Huế.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế đã ký Quyết định số 287/QĐ-ĐHH về phê duyệt phương án sắp xếp bộ máy và nhân sự Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế:

Trong bối cảnh toàn ngành giáo dục đang đẩy mạnh thực hiện Quyết định số 1233/QĐ-BGDĐT ngày 30/3/2018 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08/NĐ-CP ngày 24/01/2018 của chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII, Đại học Huế đang thực hiện mạnh mẽ công tác tái cấu trúc Đại học Huế, các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc và thuộc, việc xây dựng phương án tổ chức, sắp xếp lại bộ máy và nhân sự Khoa Giáo dục thể chất để phù hợp với Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên (ban hành kèm theo thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020) là hết sức cần thiết.

6. Thông tin người đại diện

Họ tên: TS. Lê Quang Dũng

Chức vụ: Khoa trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: 52 Hồ Đắc Di, phường An Cựu, Thành phố Huế

Số điện thoại: 0914 125 636

Email: lequangdung.gdtk@hueuni.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Quyết định bổ nhiệm Khoa trưởng, Phó Khoa trưởng Khoa Giáo dục thể chất:

- TS. Lê Quang Dũng - Khoa trưởng (Quyết định số 1378/QĐ-ĐHH ngày 29/9/2023 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Khoa trưởng Khoa Giáo dục thể chất).
- TS. Nguyễn Thế Tình - Phó Khoa trưởng (Quyết định số 670/QĐ-ĐHH ngày

11/6/2024 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Phó Khoa trưởng Khoa Giáo dục thể chất).

7.2. Quy chế tổ chức và hoạt động:

* Chức năng:

Tổ chức, quản lý và thực hiện công tác đào tạo trình độ đại học các ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giảng dạy chương trình giáo dục thể chất không chuyên cho sinh viên các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Huế, tổ chức nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ về lĩnh vực giáo dục thể chất, xây dựng và phát triển đội ngũ, kết cấu hạ tầng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý viên chức, người lao động, tài chính, tài sản theo phân cấp của Đại học Huế.

* Nhiệm vụ:

- Xây dựng chương trình, kế hoạch giảng dạy, học tập và chủ trì tổ chức thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập các môn học thuộc các ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức giảng dạy chương trình giáo dục thể chất không chuyên cho sinh viên các trường đại học thành viên, đơn vị trực thuộc và thuộc Đại học Huế.

- Tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học, phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và đời sống xã hội.

- Tổ chức biên soạn giáo trình, chương trình các môn học chuyên ngành và không chuyên sau khi được Giám đốc Đại học Huế phê duyệt.

- Nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập, xây dựng kế hoạch bổ sung trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của sinh viên thuộc Khoa; công bố chuẩn đầu ra của sinh viên chuyên ngành.

- Nghiên cứu, đề xuất phát triển các hình thức đào tạo, bậc đào tạo của sinh viên chuyên ngành.

- Quản lý, lưu trữ kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên.

- Quản lý, giáo dục, cố vấn cho sinh viên về: mục tiêu đào tạo của ngành học, lựa chọn, xây dựng và đăng ký kế hoạch học tập và xác định phương pháp học tập, rèn luyện, định hướng nghề nghiệp sau tốt nghiệp. Phối hợp tổ chức thực hiện các chế độ chính sách đối với người học.

- Xây dựng đội ngũ giảng viên; quản lý viên chức, người lao động thuộc Khoa theo phân cấp; thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống cho viên chức, người lao động và người học thuộc Khoa.

- Thực hiện chế độ báo cáo thông tin theo quy định hiện hành.

- Quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, tài sản được giao.

- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

7.3. Cơ cấu tổ chức

* Tổ chức đảng và các tổ chức đoàn thể

- Chi bộ Khoa GDTC trực thuộc Đảng bộ cơ quan Đại học Huế

- Đoàn TNCS HCM Khoa GDTC

- Công đoàn cơ sở thành viên Khoa GDTC

* Chính quyền

- Khoa trưởng và Phó khoa trưởng

- 04 bộ môn: Bóng, Điền kinh - Thể dục, Cầu lông - Bơi lội, Lý luận chuyên ngành
- 02 tổ công tác: Đào tạo - Khoa học công nghệ, Hành chính - Tổng hợp

7.4. Nhân sự

- * Số lượng: Khoa có 60 viên chức và lao động hợp đồng, gồm:
 - Khoa trưởng: 01
 - Phó khoa trưởng: 01
 - Bộ môn Bóng: 14
 - Bộ môn Điền kinh – Thể dục: 10
 - Bộ môn Cầu lông – Bơi lội: 10
 - Bộ môn Lý luận chuyên ngành: 06
 - Tổ Hành chính - Tổng hợp: 10 người, gồm các vị trí việc làm:
 - + Tổ trưởng Tổ Hành chính - Tổng hợp (01)
 - + Tổ chức cán bộ, hành chính tổng hợp (01)
 - + Văn thư, lưu trữ, hành chính (01)
 - + Cơ sở vật chất (01)
 - + Quản lý cơ sở vật chất, thu, phát trang thiết bị phụ vụ giảng dạy, học tập (01)
 - + Y tế (01)
 - + Thư viện (01)
 - + Điện nước (01)
 - + Bảo vệ (01)
 - + Vệ sinh (01)
 - Tổ Đào tạo – Khoa học công nghệ: 07 người, gồm các vị trí việc làm:
 - + Tổ trưởng Tổ Đào tạo – Khoa học công nghệ (01)
 - + Đào tạo, công tác sinh viên (04)
 - + Khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế (01)
 - + Khảo thí - Tuyển sinh - Bảo đảm chất lượng giáo dục (01)

8. Các văn bản khác của Đại học Huế

- Quyết định số 1217/QĐ-ĐHH ngày 28/9/2016 của Giám đốc Đại học Huế ban hành kế hoạch chiến lược phát triển Đại học Huế giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030;
- Nghị quyết số 75/NQ-HĐĐH ngày 05/11/2021 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Huế ban hành chiến lược phát triển Đại học Huế giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045;
- Nghị quyết số 50/NQ-HĐĐH ngày 23/11/2023 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;
- Nghị quyết số 46/NQ-HĐĐH ngày 06/8/2021 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Huế ban hành Quy chế tài chính của Đại học Huế;
- Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/1/2022 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Huế ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở của Đại học Huế;
- Quyết định số 1210/QĐ-ĐHH ngày 27/10/2017 của Giám đốc Đại học Huế về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế;
- Quyết định số 1333/QĐ-ĐHH ngày 09/6/2011 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định bổ sung phân cấp một số nội dung công tác tổ chức nhân sự cho các đơn vị trực thuộc Đại học Huế;

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian⁴

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo ⁵	Năm trước liền kề năm báo cáo ⁶
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	1080/54	1080/54
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	44	46
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	10	10

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo⁷

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian						
	Khối ngành I						
	Ngành GDTC	44	00	34	10		
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động						
	Khối ngành I						
	Ngành GDTC	44	00	34	10		

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ⁸

TT	Chỉ số	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	2	2
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	15	15
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	38.63	38.63

4. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
	Khối ngành I					
1	Lê Quang Dũng	1970	Nam	GV	TS	GDTC
2	Nguyễn Thế Tình	1983	Nam	GVC	TS	GDTC
3	Lê Trần Quang	1980	Nam	GVC	TS	GDTC
4	Nguyễn Phan Tiến Trung	1982	Nam	GV	TS	GDTC
5	Lê Cát Nguyên	1984	Nam	GV	TS	GDTC
6	Hoàng Hải	1980	Nam	GVC	TS	GDTC
7	Lê Anh Dũng	1986	Nam	GV	TS	GDTC
8	Phạm Văn Hiếu	1987	Nam	GV	TS	GDTC
9	Dương Văn Dũng	1984	Nam	GV	TS	GDTC
10	Nguyễn Đăng Hào	1988	Nam	GV	TS	GDTC
11	Nguyễn Thanh Bình	1982	Nam	GV	ThS	GDTC
12	Trần Hữu Nam	1980	Nam	GV	ThS	GDTC
13	Nguyễn Ngọc Hà	1984	Nữ	GV	ThS	GDTC
14	Nguyễn Văn Cường	1983	Nam	GV	ThS	GDTC
15	Nguyễn Thế Lợi	1985	Nam	GVC	ThS	GDTC

16	Nguyễn Văn Lợi	1987	Nam	GVC	ThS	GDTC
17	Cao Thái Ngọc	1988	Nam	GV	ThS	GDTC
18	Nguyễn Lê Minh Huy	1987	Nam	GV	ThS	GDTC
19	Phạm Đức Thanh	1981	Nam	GV	ThS	GDTC
20	Hồ Đăng Quốc Hùng	1981	Nam	GV	ThS	GDTC
21	Lê Thị Uyên Phương	1987	Nữ	GVC	ThS	GDTC
22	Nguyễn Long Hải	1975	Nam	GV	ThS	GDTC
23	Trần Thị Thùy Linh	1972	Nữ	GV	ThS	GDTC
24	Nguyễn Mậu Hiển	1965	Nam	GVC	ThS	GDTC
25	Trịnh Xuân Hồng	1984	Nam	GVC	ThS	GDTC
26	Nguyễn Anh Tú	1987	Nam	GV	ThS	GDTC
27	Đỗ Văn Tùng	1985	Nam	GVC	ThS	GDTC
28	Nguyễn Khắc Trung	1987	Nam	GVC	ThS	GDTC
29	Nguyễn Đôn Công Uy	1990	Nam	GV	ThS	GDTC
30	Lê Hải Yến	1982	Nữ	GV	ThS	GDTC
31	Phạm Việt Đức	1981	Nam	GVC	ThS	GDTC
32	Nguyễn Văn Tuấn	1988	Nam	GV	ThS	GDTC
33	Nguyễn Đình Duy Nghĩa	1984	Nam	GVC	ThS	GDTC
34	Trần Trung Kiên	1982	Nam	GV	ThS	GDTC
35	Nguyễn Thị Tiểu My	1990	Nữ	GV	ThS	GDTC
36	Phạm Thị Mai	1987	Nữ	GV	ThS	GDTC
37	Đoàn Kim Hoan	1990	Nam	GV	ThS	GDTC
38	Trần Thanh Tú	1989	Nam	GV	ThS	GDTC
39	Nguyễn Quang Tùng	1991	Nam	GV	ThS	GDTC
40	Nguyễn Thị Mùi	1991	Nữ	GV	ThS	GDTC
41	Nguyễn T. Quỳnh Nga	1986	Nữ	GV	ThS	GDTC
42	Nguyễn Thành Việt	1968	Nam	GV	ThS	GDTC
43	Nguyễn Khoa Minh Duy	1997	Nam	GV	ThS	GDTC
44	Nguyễn Thị Ly	1996	Nữ	GV	ThS	GDTC

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất⁹

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m2)	26.157/118	26.157/89
2	Diện tích sàn/người học (m2)	5.834/118	4.729,68/89

3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt		
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	476/01	476/01
5	Số bản sách/người học	476/118	476/89
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	27	26
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	100	64.484

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo¹⁰

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	52 Hồ Đắc Di, Phường An Cựu, Thành Phố Huế	26.157	5.834
2	Cơ sở ...			
3	Phân hiệu...			
	...			
Tổng cộng			26.157	5.834

IV. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo¹²

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	77.2%	64.2%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	520%	757.1%
3	Tỉ lệ thôi học	-666.67%	13.21%
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	-7.14%	0%
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	200%	0%
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	100%	0%
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	99.6%	98.4%
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	91.4%	91.9%
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	100%	100%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm ¹³
I	Đại học				
1	Lĩnh vực 1				
	Chính quy	118	60	0	100
	Vừa làm vừa học				
	Đào tạo từ xa				
2	Lĩnh vực 2				
...	...				
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)				
1	Lĩnh vực 1	7	4	0	100
2	Lĩnh vực 2				
...	...				
III	Tiến sĩ				
1	Lĩnh vực 1				

2	Lĩnh vực 2				
...	...				

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Theo quy định tại Điều 5 Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quy chế).

3.2. Mô tả phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)

Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế tuyển sinh theo 03 phương thức:

- **Phương thức 1:** Xét tuyển sử dụng kết quả của kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (TN THPT) năm 2026 kết hợp với thi tuyển năng khiếu.

- **Phương thức 2:** Xét tuyển sử dụng kết quả học tập cấp THPT (điểm học bạ) kết hợp với thi tuyển năng khiếu.

- **Phương thức 3:** Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh hiện hành

Khoa Giáo dục thể chất áp dụng phương thức xét tuyển sử dụng kết quả của kỳ thi TN THPT năm 2026 hoặc sử dụng kết quả học tập cấp THPT (điểm học bạ) kết hợp với thi tuyển năng khiếu cho ngành **Giáo dục Thể chất**. Cụ thể:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Giáo dục Thể chất	7140206	1. Toán, Sinh học, Năng khiếu
			2. Toán, Ngữ văn, Năng khiếu
			3. Ngữ văn, GD&CD, Năng khiếu
			4. Ngữ văn, Địa lí, Năng khiếu
			5. Ngữ văn, GD&KT&PL, Năng khiếu

Phương thức thi

Ngoài các môn thi văn hóa, thí sinh phải thi môn năng khiếu (gồm các nội dung: Bật xa tại chỗ (cm) (hệ số 0.4); Chạy 30m xuất phát cao (giây) (hệ số 0.6) do Đại học Huế tổ chức theo quy định để lấy kết quả xét tuyển hoặc sử dụng kết quả môn thi năng khiếu (với nội dung tương đương) do Hội đồng tuyển sinh các trường đại học công lập trên toàn quốc cấp để xét tuyển. Điểm môn thi năng khiếu hệ số 2.

Thí sinh phải đạt yêu cầu về kiểm tra thể hình theo quy định mới được dự thi các môn năng khiếu (Thí sinh có thể hình cân đối, không dị hình, dị tật, nam cao 1,63m và nặng 45kg trở lên; nữ cao 1,53m và nặng 40kg trở lên).

☛ **Chú ý:** Thí sinh bị điểm 0 (không) môn năng khiếu nếu bỏ thi ít nhất một trong các nội dung trên.

Thí sinh là vận động viên cấp 1, vận động viên kiện tướng, vận động viên đã từng đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, thí sinh có điểm thi năng khiếu do cơ sở đào tạo tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,00 trở lên theo thang điểm 10) khi đăng ký xét tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

Điều kiện xét tuyển

*** Đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả của kỳ thi TN THPT năm 2026 kết hợp với kết quả thi tuyển năng khiếu.**

- Điểm các môn văn hóa trong tổ hợp môn xét tuyển được lấy từ kết quả của kỳ thi TN THPT năm 2026 và thỏa mãn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT;

- Điểm môn thi năng khiếu chưa nhân hệ số phải $\geq 5,0$.

*** Đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập cấp THPT (điểm học bạ) kết hợp với kết quả thi tuyển năng khiếu.**

- Điểm các môn văn hóa trong tổ hợp môn xét tuyển là điểm trung bình chung mỗi môn học (làm tròn đến 1 chữ số thập phân) của 02 học kỳ năm học lớp 10, 02 học kỳ năm học lớp 11 và 02 học kỳ năm học lớp 12.

- Học sinh đã tốt nghiệp THPT có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên và điểm thi môn năng khiếu chưa nhân hệ số phải $\geq 5,0$.

*** Đối với thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành dự tuyển trình độ đại học được áp dụng quy định ngưỡng đầu vào như sau:**

- Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,50 trở lên theo thang điểm 10;

- Tốt nghiệp THPT, trung học nghề loại khá hoặc có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức đạt (học lực xếp loại trung bình) và có 05 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ đại học đạt loại khá trở lên.

- Điểm môn thi năng khiếu chưa nhân hệ số phải $\geq 5,0$.

3.3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Ngưỡng đầu vào

+ *Xét tuyển sử dụng kết quả của kỳ thi TN THPT năm 2026:*

Căn cứ kết quả của kỳ thi TN THPT năm 2026, Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các bài thi/môn thi văn hóa để xét tuyển.

+ *Xét tuyển sử dụng kết quả học tập cấp THPT (điểm học bạ):*

Đối với ngành Giáo dục Thể chất điều kiện xét tuyển là học sinh đã tốt nghiệp THPT phải có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên và tổng điểm các môn trong tổ hợp môn xét tuyển (chưa nhân hệ số) cộng điểm ưu tiên (nếu có) phải $\geq 18,0$.

- Điểm trúng tuyển

+ Thỏa mãn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT.

+ Điểm môn thi năng khiếu chưa nhân hệ số phải $\geq 5,0$.

3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Số TT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Phương thức	Chỉ tiêu (Dự kiến)	Ghi chú
1	Giáo dục Thể chất	7140206	1. Toán, Sinh học, Năng khiếu hệ số 2 (Bật xa tại chỗ, Chạy 30m xuất phát cao)	T00	1. Xét tuyển sử dụng kết quả của kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (TN THPT) năm 2026 kết hợp với thi tuyển năng khiếu. 2. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập cấp THPT (điểm học bạ) kết hợp với thi tuyển năng khiếu. 3. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.	60	
			2. Toán, Ngữ văn, Năng khiếu hệ số 2 (Bật xa tại chỗ, Chạy 30m xuất phát cao)	T02			
			3. Ngữ văn, GD&ĐT, Năng khiếu hệ số 2 (Bật xa tại chỗ, Chạy 30m xuất phát cao)	T05			
			4. Ngữ văn, Địa lí, Năng khiếu hệ số 2 (Bật xa tại chỗ, Chạy 30m xuất phát cao)	T07			
			5. Ngữ văn, GD&ĐT&PL, Năng khiếu hệ số 2 (Bật xa tại chỗ, Chạy 30m xuất phát cao)	T08			

3.5. Các thông tin cần thiết khác

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Không

b. Điểm cộng

* Cộng điểm khuyến khích theo quy chế tuyển sinh của Đại học Huế

Khoa Giáo dục thể chất cộng điểm khuyến khích đối với các thí sinh đã tốt nghiệp THPT đoạt huy chương vàng, huy chương bạc, hoặc huy chương đồng các giải TDTT, Hội khỏe Phù Đổng do cấp tỉnh trở lên tổ chức 1 lần trong năm (thời gian được tính để hưởng điểm cộng khuyến khích là không quá 4 năm tính đến ngày dự thi năng khiếu vào Khoa Giáo dục thể chất) và các cuộc thi của các môn khác theo bảng cộng điểm cụ thể sau đây:

STT	Nội dung	Điểm cộng	Ghi chú
Các giải thuộc cuộc thi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			

1	- Giải Nhất cuộc thi các môn trong tổ hợp môn xét tuyển hoặc môn Giáo dục quốc phòng – An ninh hoặc môn Tin học hoặc môn Ngoại ngữ. - Giải Nhất cuộc thi Khoa học kỹ thuật. - Huy chương Vàng các giải thể dục thể thao tổ chức 1 lần trong năm.	3.0	Điểm cộng được quy định cụ thể, cập nhật trong thông báo, thông tin tuyển sinh của ĐH Huế năm 2026
2	- Giải Nhì cuộc thi các môn trong tổ hợp môn xét tuyển hoặc môn Giáo dục quốc phòng – An ninh hoặc môn Tin học hoặc môn Ngoại ngữ. - Giải Nhì cuộc thi Khoa học kỹ thuật - Huy chương Bạc các giải thể thao tổ chức 1 lần trong năm.	2.5	
3	- Giải Ba cuộc thi các môn trong tổ hợp môn xét tuyển hoặc môn Giáo dục quốc phòng – An ninh hoặc môn Tin học hoặc môn Ngoại ngữ. - Giải Ba cuộc thi Khoa học kỹ thuật. - Huy chương Đồng các giải thể thao tổ chức 1 lần trong năm.	2.0	
4	- Giải Khuyến khích cuộc thi các môn trong tổ hợp môn xét tuyển hoặc môn Giáo dục quốc phòng – An ninh hoặc môn Tin học hoặc môn Ngoại ngữ. - Giải khuyến khích cuộc thi Khoa học kỹ thuật.	1.5	
Kết quả học tập cấp trung học phổ thông			
5	Kết quả học tập năm học lớp 11, 12 đánh giá mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên)	3.0	
6	Học sinh trường THPT chuyên có kết quả học tập năm học lớp 12 đạt mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên)	3.0	
* Tổng điểm cộng khuyến khích không vượt quá 3,0 điểm và tổng điểm ưu tiên thực hiện theo đúng Quy chế tuyển sinh 2026			

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)

Không

d. Các thông tin khác....

Không

3.6. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm, hình thức; các điều kiện xét tuyển, thi tuyển.

+ *Đợt 1:* Thực hiện theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT và của Đại học Huế. (có thông báo chi tiết).

+ *Đợt 2:* Thực hiện theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT và của Đại học Huế. (có thông báo chi tiết).

3.7. Chính sách ưu tiên

Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

*** Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển**

- Xét tuyển thẳng

Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thể giới, Cúp thể giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch

châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á, thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

- Ưu tiên xét tuyển

Thí sinh đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Cục TDTT Việt Nam (Tổng cục TDTT trước đây) có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia dự tuyển vào các ngành thể dục thể thao phù hợp; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển. Khi đăng ký xét tuyển không phải áp dụng ngưỡng đầu vào, đã đạt tốt nghiệp THPT.

*** Ghi chú:**

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Thể chất của Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế, ngoài các mục trong hồ sơ xét tuyển, thí sinh phải nộp Giấy khám sức khỏe do Trung tâm y tế hoặc bệnh viện cấp huyện trở lên chứng nhận để Hội đồng tuyển sinh có căn cứ xét điều kiện về thể hình theo quy định. Thí sinh phải nộp hồ sơ và các loại Giấy chứng nhận đạt giải (theo Quy chế hiện hành) trước ngày Đại học Huế tổ chức thi năng khiếu.

- Chi tiết Thông báo xét tuyển thẳng và các phụ lục đính kèm sẽ được Đại học Huế công bố tại Website: <http://tuyensinh.hueuni.edu.vn>.

3.8. Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển

Theo quy định hiện hành

3.9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

(Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

Không

3.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

Không

3.11. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

T T	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2025			Ghi chú
				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm TT	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm TT	
1	7140206	Giáo dục thể chất	301				60	60	21.41	
			405	22	14	27.10				
			406							
			303							

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ¹⁴

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ		
2	Số công bố khoa học/giảng viên	53	83

3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	01	02
---	------------------------------------	----	----

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước		
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	1	300.000.000
3	Đề tài cấp cơ sở	23	560.000.000
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)		
5	Đề tài hợp tác quốc tế		
	Tổng số		

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	53	83
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	01	02
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	01	02
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

4. Hội nghị, hội thảo khoa học

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học trong các cơ sở giáo dục đại học, học viên và cao đẳng trong xu thế hội nhập quốc tế	5/2025	Đại học Huế	300

5. Hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Nghiên cứu điều chỉnh nội dung chương trình môn học Giáo dục thể chất theo nhu cầu, sở thích người học tại Đại học Huế theo hình thức giảng dạy trực tiếp kết hợp trực tuyến.	ThS. Nguyễn Thị Mùi		2024-2025	25	Sản phẩm Khoa học: 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học Đại học Huế hoặc 01 bài báo thuộc danh mục tính điểm của HDGSNN với mức điểm tối đa 0,5 điểm hoặc 01 bài báo đăng toàn văn trên kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế (có phản biện, có ISBN) Sản phẩm đào tạo: Hướng dẫn 01 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học được nghiệm thu đạt yêu cầu hoặc sản phẩm thay thế sản phẩm

						đào tạo: 01 bài báo thuộc danh mục tính điểm của HDGSNN với mức điểm tối đa 0,5 điểm hoặc 01 bài báo đăng toàn văn trên kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế (có phản biện, có ISBN)
2	Nghiên cứu cải tiến nội dung chương trình môn học giáo dục thể chất tại Đại học Huế nhằm đáp ứng nhu cầu người học.	ThS. Phạm Thị Mai		2024-2025	25	Sản phẩm Khoa học: 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học Đại học Huế hoặc 01 bài báo thuộc danh mục tính điểm của HDGSNN với mức điểm tối đa 0,5 điểm hoặc 01 bài báo đăng toàn văn trên kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế (có phản biện, có ISBN) Sản phẩm đào tạo: Hướng dẫn 01 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học được nghiệm thu đạt yêu cầu hoặc 01 bài báo thuộc danh mục tính điểm của ĐGSNN với mức điểm tối đa 0,75 điểm.
3	Nghiên cứu cải tiến chương trình khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân giáo dục thể chất tại Đại học Huế.	TS. Dương Văn Dũng		2024-2025	25	Sản phẩm Khoa học: 01 Bài báo Đại học Huế hoặc được thay thế bằng 01 bài báo tạp chí chuyên ngành ISSN thuộc danh mục HDGSNN Sản phẩm đào tạo: Hướng dẫn 01 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học được nghiệm thu đạt yêu cầu hoặc 01 bài báo thuộc danh mục tính điểm của HDGSNN thuộc tạp chí chuyên ngành 0.75 điểm hoặc 01 bài báo đăng tại Hội thảo quốc tế..
4	Nghiên cứu cải tiến khối kiến thức cơ sở ngành một số môn học trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục thể chất tại Đại học Huế theo hướng tích hợp liên môn	TS. Lê Anh Dũng		2024-2025	25	Sản phẩm Khoa học: 01 Bài báo Đại học Huế hoặc được thay thế bằng 01 bài báo tạp chí chuyên ngành ISSN thuộc danh mục HDGSNN Sản phẩm đào tạo: Hướng dẫn 01 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học được nghiệm thu đạt yêu cầu hoặc 01 bài báo thuộc danh mục tính điểm của HDGSNN thuộc tạp chí chuyên ngành 0.75 điểm hoặc 01 bài báo đăng tại Hội thảo quốc tế.

5	Nghiên cứu cải tiến các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất thuộc Khoa Giáo dục thể chất của Đại học Huế theo hướng mở rộng liên ngành.	TS. Hoàng Hải		2024-2025	25	Sản phẩm Khoa học: 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học Đại học Huế hoặc 01 bài báo thuộc danh mục tính điểm của HĐGSNN với mức điểm tối đa 0,5 điểm hoặc 01 bài báo đăng toàn văn trên kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế (có phản biện, có ISBN). Sản phẩm đào tạo: Sản phẩm thay thế sản phẩm đào tạo: 01 bài báo thuộc danh mục tính điểm của HĐGSNN với mức điểm tối đa 0,5 điểm hoặc 01 bài báo đăng toàn văn trên kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế (có phản biện, có ISBN)
6	Nghiên cứu giải pháp tổ chức hoạt động đội tuyển bóng đá sinh viên Đại học Huế theo mô hình câu lạc bộ	ThS. Trịnh Xuân Hồng		2024-2025	15	Sản phẩm Khoa học: 01 bài báo trên tạp chí khoa học có mã số ISSN hoặc bài kỷ yếu hội nghị, hội thảo cấp trường thành viên; Sản phẩm thay thế sản phẩm đào tạo: 01 bài báo thuộc danh mục tính điểm của HĐGSNN với mức điểm tối đa 0,5 điểm hoặc 01 bài báo đăng toàn văn trên kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế (có phản biện, có ISBN)
7	Nghiên cứu xây dựng chương trình huấn luyện, phát triển phong trào Câu lạc bộ chạy cho cán bộ và sinh viên Đại học Huế	TS. Phạm Văn Hiếu		2024-2025	15	Sản phẩm Khoa học: 01 bài báo trên tạp chí khoa học có mã số ISSN hoặc bài kỷ yếu hội nghị, hội thảo cấp trường thành viên; Sản phẩm đào tạo: Hướng dẫn 01 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học được nghiệm thu đạt yêu cầu hoặc 01 bài báo trên tạp chí khoa học có mã số ISSN hoặc bài kỷ yếu hội nghị, hội thảo cấp Khoa trở lên;
8	Phát triển phong trào Pickleball tại Đại học Huế	ThS. Trần Hữu Nam		2024-2025	15	Sản phẩm Khoa học: 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học của các trường hoặc đăng toàn văn trong kỷ yếu hội thảo tương đương cấp trường trở lên (nội dung bài báo thể hiện nội dung nghiên cứu)

						Sản phẩm đào tạo: 01 bài báo thay thế đăng trên tạp chí khoa học của các trường hoặc đăng toàn văn trong kỷ yếu hội thảo tương đương cấp trường
9	Nghiên cứu xây dựng chương trình huấn luyện của Câu lạc bộ Bóng rổ tại Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế	TS. Nguyễn Phan Tiến Trung		2024-2025	15	Sản phẩm Khoa học: 01 bài báo trên tạp chí khoa học có mã số ISSN hoặc bài kỷ yếu hội nghị, hội thảo cấp trường thành viên; Sản phẩm thay thế sản phẩm đào tạo: 01 bài báo thuộc danh mục tính điểm của HDGSNN với mức điểm tối đa 0,5 điểm hoặc 01 bài báo đăng toàn văn trên kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế (có phản biện, có ISBN)
10	Nghiên cứu chương trình giảng dạy và phát triển phong trào tập luyện Bóng chuyền hơi cho cán bộ và sinh viên Đại học Huế.	ThS. Đỗ văn Tùng		2024-2025	15	Sản phẩm Khoa học: 01 bài báo trên tạp chí khoa học có mã số ISSN hoặc bài kỷ yếu hội nghị, hội thảo cấp trường thành viên; Sản phẩm đào tạo: Hướng dẫn 01 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học được nghiệm thu đạt yêu cầu hoặc 01 bài báo trên tạp chí khoa học có mã số ISSN hoặc bài kỷ yếu hội nghị, hội thảo cấp Khoa trở lên.
11	Nghiên cứu tác động của các bài tập thể chất giúp thay đổi hành vi cho trẻ có khuyết tật phát triển từ 03 đến 10 tuổi tại Thành phố Huế	TS. Phạm Văn Hiếu		2025-2026	15	- Sản phẩm Khoa học: 01 bài báo trên tạp chí khoa học có mã số ISSN hoặc bài kỷ yếu hội nghị, hội thảo cấp Trường thành viên. - Sản phẩm đào tạo: 01 niên luận hoặc 01 báo cáo tốt nghiệp đại học, hoặc hướng dẫn 01 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học được nghiệm thu đạt yêu cầu.
12	Đánh giá hiệu quả sử dụng âm nhạc trong môn thể dục tay không tại Khoa Giáo dục thể chất cho sinh viên Đại học Huế	ThS. Nguyễn Thị Ly		2025-2026	15	- Sản phẩm Khoa học: 01 bài báo trên tạp chí khoa học có mã số ISSN hoặc bài kỷ yếu hội nghị, hội thảo cấp Trường thành viên. - Sản phẩm đào tạo: 01 niên luận hoặc 01 báo cáo tốt nghiệp đại học, hoặc hướng dẫn 01 nhóm sinh viên

						nghiên cứu khoa học được nghiệm thu đạt yêu cầu.
13	Nghiên cứu xây dựng khối kiến thức cơ sở ngành y sinh học thể dục thể thao tại Khoa giáo dục thể chất - Đại học Huế	ThS. Lê Hải Yến		2025-2026	25	- Sản phẩm Khoa học: 01 bài báo trên tạp chí khoa học Đại học Huế; - Sản phẩm đào tạo: 01 khóa luận/đồ án tốt nghiệp đại học; hoặc dẫn 01 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học được nghiệm thu đạt yêu cầu hoặc 01 bài báo thuộc danh mục tính điểm của HDGSNN với mức điểm tối đa 0,75 điểm.
14	Nghiên cứu xây dựng chuẩn đầu ra cho chương trình đào tạo ngành Y Sinh học thể dục thể thao tại Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế	ThS. Nguyễn Văn Lợi		2025-2026	25	- Sản phẩm Khoa học: 01 bài báo trên tạp chí khoa học Đại học Huế; - Sản phẩm đào tạo: 01 khóa luận/đồ án tốt nghiệp đại học; hoặc dẫn 01 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học được nghiệm thu đạt yêu cầu hoặc 01 bài báo thuộc danh mục tính điểm của HDGSNN với mức điểm tối đa 0,75 điểm.
15	Nghiên cứu xây dựng khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Y Sinh học Thể dục thể thao tại Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế	ThS. Nguyễn Văn Tuấn		2025-2026	25	- Sản phẩm Khoa học: 01 bài báo trên tạp chí khoa học Đại học Huế; - Sản phẩm đào tạo: 01 khóa luận/đồ án tốt nghiệp đại học; hoặc dẫn 01 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học được nghiệm thu đạt yêu cầu hoặc 01 bài báo thuộc danh mục tính điểm của HDGSNN với mức điểm tối đa 0,75 điểm.
16	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp tăng cường sử dụng trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu khoa học ở Khoa Giáo dục Thể chất – Đại học Huế.	ThS. Đỗ Văn Tùng		2025-2026	15	- Sản phẩm Khoa học: 01 bài báo trên tạp chí khoa học có mã số ISSN hoặc bài kỷ yếu hội nghị, hội thảo cấp Trường thành viên. - Sản phẩm đào tạo: 01 niên luận hoặc 01 báo cáo tốt nghiệp đại học, hoặc hướng dẫn 01 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học được nghiệm thu đạt yêu cầu.
17	Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào giảng dạy kỹ thuật động	TS. Nguyễn Đăng Hào		2025-2026	25	- Sản phẩm Khoa học: 01 bài báo trên tạp chí khoa học Đại học Huế;

	tác giáo dục thể chất cho sinh viên đại học Huế					- Sản phẩm đào tạo: 01 khóa luận/đồ án tốt nghiệp đại học; hoặc dẫn 01 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học được nghiệm thu đạt yêu cầu hoặc 01 bài báo thuộc danh mục tính điểm của HDGSNN với mức điểm tối đa 0,75 điểm.
18	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) vào giảng dạy các môn lý thuyết chuyên ngành cho sinh viên Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế.	ThS. Phạm Việt Đức		2025-2026	25	- Sản phẩm Khoa học: 01 bài báo trên tạp chí khoa học Đại học Huế; - Sản phẩm đào tạo: 01 khóa luận/đồ án tốt nghiệp đại học; hoặc dẫn 01 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học được nghiệm thu đạt yêu cầu hoặc 01 bài báo thuộc danh mục tính điểm của HDGSNN với mức điểm tối đa 0,75 điểm.
19	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào công tác hành chính ở Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế	ThS. Dương Anh Tuấn		2025-2026	15	- Sản phẩm Khoa học: 01 bài báo trên tạp chí khoa học có mã số ISSN hoặc bài kỷ yếu hội nghị, hội thảo cấp Trường thành viên. - Sản phẩm đào tạo: 01 niên luận hoặc 01 báo cáo tốt nghiệp đại học, hoặc hướng dẫn 01 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học được nghiệm thu đạt yêu cầu.
20	Ứng dụng mô hình ngôn ngữ AI - ChatGPT hỗ trợ công tác sinh viên của khối chuyên ngành tại Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế	ThS. Bùi Thanh Hòa		2025-2026	15	- Sản phẩm Khoa học: 01 bài báo trên tạp chí khoa học có mã số ISSN hoặc bài kỷ yếu hội nghị, hội thảo cấp Trường thành viên. Sản phẩm đào tạo: 01 niên luận hoặc 01 báo cáo tốt nghiệp đại học, hoặc hướng dẫn 01 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học được nghiệm thu đạt yêu cầu.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính¹⁵

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	14,13%	10,5%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	7,04%	7,04%

2. Kết quả thu chi hoạt động¹⁶

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề
----	-----------------	-------------	-------------------

			năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG		
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	18.485.700.000	42.584.100.000
II	Thu giáo dục và đào tạo	18.243.700.000	41.986.700.000
1	Học phí, lệ phí từ người học	17.882.000.000	40.889.600.000
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	361.700.000	1.097.100.000
III	Thu khoa học và công nghệ	242.000.000	597.400.000
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác	242.000.000	597.400.000
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	15.874.500.000	36.546.100.000
I	Chi lương, thu nhập	10.665.400.000	26.895.700.000
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	8.704.000.000	23.222.700.000
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	1.961.400.000	3.673.000.000
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	4.971.375.000	9.058.350.000
1	Chi cho đào tạo	3.229.375.000	7.204.990.000
2	Chi cho nghiên cứu	385.000.000	958.000.000
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	1.357.000.000	895.360.000
III	Chi hỗ trợ người học	237.725.000	592.050.000
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	43.725.000	251.050.000
2	Chi hoạt động nghiên cứu	194.000.000	341.000.000
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác		
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	2.611.200.000	6.038.000.000

3. Công khai học phí năm học 2025 - 2026

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học 2025- 2026	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
-----	----------	-------------	--	---

I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sỹ	Triệu đồng/năm	23,85	47,7
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành GDTC	Triệu đồng/năm	15,9	63,6
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sỹ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Chứng chỉ GDTC	Triệu đồng/năm	0,76	1,52
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
IV	Tổng thu năm	Tỷ đồng		24,87
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng		6,63

2	Từ học phí	Tỷ đồng		17,88
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng		0,24
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng		0,36

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC¹⁷

1. Công tác đào tạo, quản lý sinh viên, KHCN và hợp tác quốc tế

1.1. Công tác đào tạo

1.1.1. Khối chuyên ngành

- Xây dựng kế hoạch thời gian năm học 2024 – 2025, thời khóa biểu HK1, HK2.
- Thực hiện công tác điều hành giảng dạy và phối hợp tổ chức thi học phần cho khối sinh viên chuyên ngành.
- Tổ chức học lại, học ghép, lớp riêng của sinh viên khối chuyên ngành;
- Tổng hợp đánh giá kết quả học tập năm học 2024-2025, xét cấp học bổng khuyến khích học tập HK2 năm 2023 - 2024; HK1 và HK2 năm 2024 – 2025 cho sinh viên chuyên ngành.
- Phối hợp với Ban ĐT&CTSV để thực hiện các công tác liên quan đến đào tạo chuyên ngành.
- Phối hợp với Ban KH, TC&CSVC tổ chức đăng ký và thu học phí, lên kế hoạch lớp học riêng, tổ chức lớp, mời giảng...
- Xây dựng kế hoạch và tiến hành bố trí học tập một cách linh hoạt cho sinh viên chuyên ngành, lớp cao học khóa 2.
- Tổ chức xét tốt nghiệp cho lớp TC19.
- Tổ chức kiến tập, thực tập cho sinh viên đúng kế hoạch đề ra.
- Thực hiện các thủ tục mời giảng, hợp đồng và thanh lý mời giảng khối chuyên ngành.

1.1.2. Khối không chuyên

- Thực hiện công tác giảng dạy và học tập môn học GDTC cho sinh viên khối không chuyên của các trường đại học thành viên; Trường Du lịch và các Khoa thuộc Đại học Huế. (theo chương trình cơ bản và theo nhu cầu, sở thích người học (mô hình CLB) tùy thuộc sinh viên lựa chọn)
- Thực hiện công tác giảng dạy trực tuyến dành cho sinh viên liên thông, văn bằng 2 và các trường hợp sinh viên sắp tốt nghiệp hoặc ra trường chưa hoàn thành chương trình môn học Giáo dục thể chất của các trường đại học thành viên, Trường Du lịch và các Khoa thuộc Đại học Huế, Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin, phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị.
- Hoàn thành công tác tổ chức kiểm tra, thi kết thúc học phần năm học 2024 – 2025 cho khối không chuyên ngành.
- Hoàn thành việc thu nhận, tổng hợp kết quả điểm các học phần năm học 2024 – 2025 khối không chuyên.
- Thực hiện tổng hợp điểm và cấp giấy chứng nhận cho sinh viên các trường đại học thành viên, Trường Du lịch và các Khoa thuộc Đại học Huế, Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin, phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị đủ điều kiện hoàn thành chương trình môn học Giáo dục thể chất và cấp giấy xác nhận kết quả cho sinh viên có đơn.
- Phối hợp với Ban KHTC & CSVC công tác thu học phí, tổng hợp bảng điểm miễn giảm học phí của sinh viên và làm hợp đồng – thanh lý kịp thời dành cho các trường đại

học thành viên; Trường Du lịch và các Khoa thuộc Đại học Huế.

- Thực hiện tổng hợp giờ vượt giảng, giờ giảng dạy thực hành và chấm thi cho giảng viên năm học 2024 – 2025.

- Trong năm học 2024 – 2025, Khoa đã hoàn thành việc kế hoạch giảng dạy và học tập môn học Giáo dục thể chất dành cho sinh viên không chuyên với lượt sinh viên đăng ký theo học là 53.622 lượt (trong đó: HK1: 23.593 lượt, HK2: 30.029 lượt). Tổng số lớp năm học 2024-2025 là 1.167 lớp. (trong đó HK1: 537 lớp, HK2: 630 lớp).

2.2. Công tác quản lý sinh viên

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ Quản lý sinh viên của Đại học Huế và của Bộ GD&ĐT.

- Rà soát tình hình sinh viên trở lại học tập sau thời gian về quê nghỉ Tết Nguyên đán.

- Quản lý nề nếp, tác phong sinh viên chuyên ngành;

- Tham mưu các quyết định liên quan đến công tác quản lý sinh viên chuyên ngành; cung cấp danh sách sinh viên, sổ điểm danh sinh viên chuyên ngành;

- Thực hiện các công việc liên quan đến chế độ, chính sách cho sinh viên; xét điểm rèn luyện; xét khen thưởng cho sinh viên,... chuyên ngành.

- Kiểm tra công tác dạy và học của các lớp chuyên ngành.

- Thông báo sinh viên khóa TS 2021 bổ sung bản sao bằng tốt nghiệp THPT và chứng chỉ QP-AN để xét điều kiện tốt nghiệp.

- Rà soát hồ sơ sinh viên khóa TS 2021 trở về trước để xét điều kiện tốt nghiệp.

- Xét cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ 1 năm học 2024-2025 và các chế độ chính sách cho sinh viên.

- Xác nhận sinh viên và chế độ chính sách và các chế độ có liên quan khác.

- Tổng hợp điểm rèn luyện các lớp chuyên ngành.

- Điều động sinh viên tham gia các hoạt động do khoa và đại học Huế tổ chức.

- Thực hiện, tổ chức các hoạt động tiếp đón sinh viên, tuần sinh hoạt công dân, và các hoạt động khác của sinh viên khối chuyên ngành;

- Dự trù kinh phí đến các hoạt động liên quan đến nhiệm vụ được giao;

- Các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Khoa và Tổ giao.

2.3. Công tác Khoa học Công nghệ, Hợp tác quốc tế

Thực hiện quy trình đăng ký, xét duyệt, nghiệm thu đề tài theo đúng quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ (KH-CN), Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Huế, từng bước gắn liền công tác nghiên cứu khoa học với thực tiễn.

2.3.1. Về Khoa học và Công nghệ

- Đã tổ chức nghiệm thu 01 đề tài cấp Bộ thực hiện năm 2023.

- Tiếp tục quản lý 01 đề tài cấp Bộ thực hiện từ năm 2024.

- Quản lý 01 đề tài cấp Bộ năm 2026 giai đoạn tuyển chọn chủ nhiệm thuyết minh đề tài;

- Đã tổ chức nghiệm thu và công nhận kết quả nghiên cứu 01 đề tài cấp Đại học Huế thực hiện từ năm 2022;

- Đã tổ chức thanh lý 01 đề tài cấp Đại học Huế thực hiện từ năm 2022 vì quá thời gian thực hiện mà sản phẩm không đảm bảo.

- Đã tổ chức nghiệm thu cấp Đại học Huế 02 đề tài cấp Đại học Huế thực hiện từ năm 2023;

- Tiếp tục quản lý 02 đề tài cấp ĐH Huế thực hiện năm 2024;

- Đang ký hợp đồng thực hiện 02 đề tài cấp ĐH Huế năm 2025;

- Quản lý 10 đề tài cấp Khoa của cán bộ thực hiện năm 2024 đang trong giai đoạn kiểm tra tiến độ thực hiện dự kiến 10/2025 sẽ nghiệm thu thanh lý;
- Phê duyệt 10 đề tài KH&CN Khoa cấp năm 2025 đang trong giai đoạn Phê duyệt danh mục đưa ra tuyển chọn chủ nhiệm đề tài.
- Tổ chức thành công Hội thảo khoa học toàn quốc năm 2025 với chủ đề “Công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học trong các cơ sở giáo dục đại học, học viện, và cao đẳng trong xu thế hội nhập quốc tế” tại Đại học Huế;
- Xác nhận Giờ nghiên cứu khoa học năm học 2024-2025 cho cán bộ giảng viên;
- Tham dự Hội nghị khoa học sinh viên toàn quốc Khối các trường đại học TDTT năm 2025 tại Đại học TDTT Đà Nẵng có 01 giải Nhì và 2 Giải khuyến khích;

2.3.2. Về Hợp tác quốc tế

- Phối hợp với các đơn vị trong Khối ngành GDTC, TDTT như Đại học TDTT Đà Nẵng, Khoa GDTC Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Ngoại Thương tham gia các Hội đồng nghiệm thu đề tài, Hội đồng đánh giá chương trình đào tạo... và đặc biệt là phối hợp Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Ngoại Thương tổ chức thành công hội thảo khoa học toàn quốc.
- Bước đầu đặt quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài nhằm xây dựng kế hoạch tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế dự kiến năm 2026;

2.4. Công tác Khảo thí, Bảo đảm chất lượng giáo dục và Tuyển sinh

2.4.1. Công tác Khảo thí

- Thực hiện kế hoạch của Đại học Huế và của Khoa về học tập và giảng dạy, tổ chức thi kiểm tra đúng quy chế và thời gian quy định.
- Phối hợp, tổ chức thi học phần với các đơn vị chức năng thuộc Khoa; công tác kiểm tra, giám sát, công tác coi thi, chấm thi các học phần lý luận và các học phần thực hành của khối chuyên ngành học kỳ, năm học. Chuẩn bị các quy trình thủ tục tổ chức thi kết thúc học phần học kỳ, năm học đúng kế hoạch thời gian.
- Thông báo tổ chức thi kết thúc học kỳ, năm học đúng kế hoạch thời gian.
- Xây dựng lịch thi kết thúc học kỳ năm học theo thời gian đã thông báo
- Phối hợp các đơn vị chuyên môn phân công cán bộ chấm thi, coi thi, công tác cơ sở vật chất.
- Thực hiện công tác tiếp nhận và bảo quản đề thi, nhân và giao đề thi cho cán bộ coi thi.
- Tổ chức thi học kỳ riêng năm học 2025-2026 cho sinh viên chuyên ngành.

2.4.2. Công tác Bảo đảm chất lượng giáo dục

- Lập báo cáo 3 công khai đối với cơ sở giáo dục đại học.
- Xây dựng kế hoạch và thực hiện khảo sát ý kiến đánh giá của sinh viên tốt nghiệp cuối khoá và lấy địa chỉ sinh viên tốt nghiệp.
- Xây dựng kế hoạch và thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Xử lý số liệu và xây dựng báo cáo đúng thời gian kế hoạch.
- Xây dựng kế hoạch và thực hiện khảo sát ý kiến việc làm của sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp năm 2024.
- Rà soát thống kê dữ liệu Hemis trên trang thông tin của Bộ
- Cung cấp dữ liệu xếp hạng đại học.

2.4.3. Công tác Tuyển sinh

- Phối hợp các đơn vị tổ chức tuyên truyền quảng bá tuyển sinh Khoa Giáo dục thể chất năm 2025.
- Xây dựng đề án tuyển sinh năm 2025; xây dựng báo cáo các điều kiện tuyển sinh

năm 2025. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh.

- Thực hiện hướng dẫn thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức tuyển sinh sớm kết hợp kết quả thi năng khiếu; đăng ký xét tuyển theo phương thức sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 kết hợp kết quả thi năng khiếu; ưu tiên xét tuyển theo đề án tuyển sinh.

- Tuyển sinh đại học năm 2025: Với 232 hồ sơ đăng ký thi năng khiếu khối T vào ngành GDTC có 4 thí sinh được ưu tiên xét tuyển, 76 thí sinh dự thi (trong đó chỉ tiêu dự kiến là 40).

- Tuyển sinh cao học ngành Giáo dục học chuyên ngành giáo dục thể chất khoá 2 được 5 học viên.

2. Công tác hành chính, tổ chức cán bộ

- Tập trung đẩy mạnh và triển khai công tác cải cách hành chính theo yêu cầu của Đại học Huế.

- Quan tâm đúng mức công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ, cử viên chức, người lao động đi học sau đại học và tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách, phụ cấp cho viên chức, người lao động.

- Đã thực hiện thủ tục đề nghị Đại học Huế cử viên chức giữ chức vụ Trưởng bộ môn.

- Có thêm 03 viên chức tham gia chương trình nghiên cứu sinh trong nước;

- Hiện nay, đội ngũ viên chức, người lao động của Khoa gồm có: 57 người (43 người giảng dạy, 2 trợ giảng, 12 chuyên viên, nhân viên hành chính), trong đó: 10 tiến sĩ, 37 thạc sĩ, 10 cử nhân và trình độ khác; 17 giảng viên chính, 01 chuyên viên chính. 06 nghiên cứu sinh trong đó 01 nghiên cứu sinh đang làm thủ tục trở lại công tác sau khi hết thời gian đào tạo.

- 12 viên chức, người lao động hoàn thành chương trình đào tạo đào tạo trình độ Trung cấp Lý luận chính trị.

- Đã giải quyết thỏa đáng đối với các viên chức không đạt chuẩn giảng dạy.

- Tổ chức thành công Lễ Kỷ niệm 20 năm Ngày thành lập Khoa (18/3/2005 – 18/3/2025).

- Làm thủ tục cho 02 viên chức đến tuổi nghỉ hưu.

- Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào công việc. Khoa đã phối hợp với Viện chuyển đổi số và Học liệu-Đại học Huế để tập huấn ứng dụng AI trong công tác hành chính và giảng dạy cho viên chức-người lao động của Khoa (có 58 người được cấp giấy chứng nhận)

3. Công tác Cơ sở vật chất

- Trồng cây xanh dịp tết trồng cây và dịp kỷ niệm 20 năm thành lập Khoa (39 cây, mỗi cây cao tối thiểu 4m, đường kính 10cm).

- Sửa chữa máy in, máy vi tính cho các bộ môn và tổ công tác.

- Hợp đồng, thanh lý thuê bể bơi phục vụ học tập.

- Sửa chữa sân bãi: sửa sân nền bị lún; xây lại bó vỉa các bồn cây; sơn, cải tạo lan can nhà thi đấu; cạo sơn mặt sân bóng rổ, san lấp các bồn hoa trước nhà hiệu bộ để lát gạch.

- Làm lại logo Khoa, các pano trang trí trong nhà thi đấu.

- Mua sắm các thiết bị PCCC.

- Hoàn thành công tác tổ chức Lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Khoa GDTC.

- Hoàn thành công tác tổ chức Hội thảo Khoa học toàn quốc tại khoa.

4. Công tác Kế hoạch – Tài chính

- Huy động tối đa nguồn ngân sách nhà nước cấp, khai thác tốt nguồn thu sự nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Tổng thu từ học phí năm 2024 tăng 33% so với năm 2023.

- Tiết kiệm các khoản chi hành chính; đảm bảo chi hoạt động thường xuyên của Khoa; ổn định tiền lương và tăng thu nhập; giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách cho viên chức, người lao động của Khoa.

- Thực hiện chi trả giờ vượt giảng kịp thời, đúng quy định cho cán bộ, giáo viên; chi trả các chế độ như học bổng, chính sách hỗ trợ học phí, chi phí sinh hoạt cho người học theo đúng chế độ, chính sách quy định của Nhà nước.

- Kinh phí trích cho các hoạt động KHCN của giảng viên và người học được thực hiện và sử dụng đúng quy định.

- Hoàn thành quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024, bao gồm các nguồn kinh phí: ngân sách nhà nước cấp; nguồn thu hoạt động sự nghiệp; hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ; và hoạt động khác đảm bảo về chất lượng và thời gian. Xây dựng và triển khai thực hiện dự toán ngân sách năm 2024 theo quy định và kịp thời.

- Bố trí kinh phí để thực hiện mua sắm, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất theo dự toán đã duyệt từ đầu năm nhằm đáp ứng yêu cầu dạy và học của giảng viên và sinh viên.

5. Công tác đoàn thể

5.1. Công tác Đoàn thanh niên

- Trong năm học Đoàn viên sinh viên Khoa GDTC đã tham gia cuộc thi tìm hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh với hơn 20 đoàn viên, sinh viên tham gia. 01 cá nhân (sinh viên Nguyễn Thị Mai Linh) được tuyên dương là tấm gương tiêu biểu trong việc thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” giai đoạn 2021 – 2024.

- Tham gia *Ngày Chủ nhật đỏ* năm 2025 với hơn 30 đoàn viên, thanh niên, cán bộ tham gia hiến máu.

- Chỉ đạo các đơn vị làm tốt công tác tình nguyện tại chỗ, ra quân làm sạch phòng học, giảng đường và sân khoa chia làm 3 đợt: đầu năm học, đầu năm mới và nghỉ hè thu hút toàn thể sinh viên Khoa GDTC tham gia. 100% các chi đoàn đã làm tốt nội dung này.

- Có 07 đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Hưởng ứng Đề án “*Ngày chủ nhật xanh*” do Ủy ban Nhân tỉnh Thừa Thiên Huế phát động và chương trình “*vì một Việt Nam xanh*”, Đoàn Khoa GDTC đã chỉ đạo các chi đoàn tổ chức các chương trình ra quân vệ sinh, làm đẹp khuôn viên nhà trường, tại các tuyến đường xung quanh Khoa.

- Hưởng ứng Tết trồng cây năm 2025 do Đại học Huế tổ chức.

- Tổ chức hoạt động : Chạy vì tương lai Xanh năm 2025 Khoa GDTC- ĐH Huế. Đoàn khoa đã vận động hơn 20 cây sưa và cây phượng trồng xung quanh khuôn viên Khoa GDTC. Có hơn 1000 sinh viên và cán bộ hưởng ứng chạy vì tương lai Xanh 2025 Khoa GDTC.

- Đoàn viên, sinh viên Khoa GDTC tham gia Giải Bóng chuyền, bóng đá, Cầu lông do Hội thể thao & Đại học chuyên nghiệp tổ chức năm 2024, đạt thành tích: Đạt 2 giải nhất, 2 giải nhì cá nhân, 2 giải nhà tập thể.

- Đoàn viên, sinh viên Khoa GDTC tham gia Hội nghị Khoa học Sinh viên Toàn quốc lĩnh vực Thể dục Thể thao lần thứ XVI năm 2025, với thành tích nổi bật: 01 Giải Nhì, 02 Giải Khuyến khích.

5.2. Công tác Công đoàn

- Triển khai các phong trào thi đua, tổng kết cuối năm học.

- Chăm lo đời sống, đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của viên

chức, người lao động; tham gia quản lý, xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định trong đơn vị.

- Thăm hỏi viên chức, người lao động có người thân ốm nặng.
- Phát động các phong trào ủng hộ đồng bào gặp thiên tai bão lụt.
- Tổ chức thành công giải thể thao chào mừng 20 năm ngày thành lập Khoa.
- Làm đầu mối khai thác dịch vụ để tạo nguồn thu cho Khoa.
- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng chương trình “Ngày Chủ nhật Xanh”.
- Tổ chức nấu bánh chưng, gặp mặt gia đình viên chức, người lao động dịp Tết Nguyên đán.

7.3. Công tác Cựu sinh viên

- Khoa đã thành lập ban liên lạc cựu sinh viên, học viên của Khoa tại thành phố Huế.

- Cựu sinh viên của Khoa ở trong nước đã tổ chức họp mặt, tè tụ tại Khoa với quy mô lớn, góp phần quan trọng cho thành công của Lễ Kỷ niệm 20 thành lập Khoa: tặng 20 suất học bổng, cùng các hiện vật có giá trị.

- Các cựu sinh viên đã thể hiện tinh thần giữ mối liên lạc với Khoa, thắt chặt tình đoàn kết của cựu sinh viên, học viên; hỗ trợ Khoa trong công tác tuyển sinh và các trường hợp sinh viên có hoàn cảnh khó khăn,...

6. Về hình thức công khai

Trên trang thông tin điện tử của Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế:
<http://fpe.hueuni.edu.vn>

Nơi nhận:

- Giám đốc Đại học Huế (để b/c);
- Ban ĐT&CTSV ĐHH;
- Website Khoa GDTC;
- Lưu: VT, KGDTCLCH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Văn Lợi